

Số: *Tu Mơ Rông, ngày tháng năm 2023*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Khóa XIV, Kỳ họp thứ 6.

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện: số 06/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông; Số 15/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 11 năm 2022, Nghị quyết số 18/NQ-HĐND, ngày 19 tháng 12 năm 2022, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 06 năm 2023 và số 08/NQ-HĐND, ngày 14 tháng 07 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Thông báo số 48/TB-TTHĐND, ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Thường trực HĐND huyện Tu Mơ Rông thông báo về nội dung, thời gian, địa điểm tiến hành Kỳ họp lần thứ 6 HĐND huyện khóa XIV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Căn cứ Kế hoạch số 4362/KH-UBND, ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông⁽¹⁾.

- Căn cứ vào Quyết định phân bổ vốn của UBND tỉnh và một số văn bản quy định, UBND huyện đã phân cấp nguồn vốn Đầu tư cơ sở hạ tầng và vốn sự nghiệp cho các xã làm chủ đầu tư, tổ chức, triển khai thực hiện nguồn vốn theo quy định. Một số dự án phân cấp cho cơ quan chuyên môn thực hiện theo quy định⁽²⁾.

- Ủy ban nhân dân huyện đã Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN năm 2023⁽³⁾; Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình năm 2023⁽⁴⁾.

- Thông tin, truyền thông, vận động: Tổ chức quán triệt, thông tin, truyền thông, phổ biến cho người dân và đối tượng có liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia trong các buổi họp thôn đối thoại với nhân dân⁽⁵⁾.

2. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

Tổng kinh phí triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 187.760,58 triệu đồng, trong đó kế hoạch vốn năm 2023 là 133.276,88 triệu đồng, kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang tiếp tục thực hiện 54.484,7 triệu đồng. Cụ thể:

- Vốn Đầu tư: 137.289,81 triệu đồng bao gồm kế hoạch vốn giao năm 2023 là 94.535 triệu đồng, và kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang tiếp tục thực hiện 42.754,81 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 50.470,77 triệu đồng bao gồm kế hoạch vốn giao năm 2023 là 38.741,88 triệu đồng, và kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang tiếp tục thực hiện 11.728,89 triệu đồng.

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

(1) Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông.

(2) Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2023; Quyết định số 180/QĐ-UBND, ngày 12/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 673/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 20223 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông.

(3) Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông

(4) Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 02/08/2023 của UBND huyện Tu Mơ Rông về kiểm tra thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

(5) Thực hiện theo Kế hoạch số 279/KH-UBND, ngày 21/10/2022 của UBND huyện Tu Mơ Rông

Vốn NSTW phân bổ 12.357,34 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 9.524 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 5.845 triệu đồng, vốn SN: 3.679 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 2.833,34 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 2.807,05 triệu đồng, vốn SN: 26,29 triệu đồng*) để thực hiện các nội dung:

- Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở: 11 hộ (*Vốn năm 2023: 06 hộ, Vốn năm 2022 chuyển sang: 05 hộ*).

- Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở: 26 hộ (*Vốn năm 2023: 03 hộ, vốn năm 2022 chuyển sang: 22 hộ*).

- Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: 144 hộ

- Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: 527 hộ, tập trung: 04 công trình.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết:

Vốn NSTW phân bổ 50.395 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 30.137 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 30.137 triệu đồng, vốn SN: 00 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 20.258 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 20.258 triệu đồng, vốn SN: 00 triệu đồng*), để thực hiện các nội dung: làm nhà dự án định canh, định cư tập trung; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị:

Vốn NSTW phân bổ 44.515,47 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 32.604 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 8.572 triệu đồng, vốn SN: 24.032 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 11.910,47 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 6.394 triệu đồng, vốn SN: 5.516,47 triệu đồng*). Cụ thể:

a. Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Vốn NSTW phân bổ 9.933,47 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 9.566 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 9.566 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 367,47 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 367,47 triệu đồng*) để hỗ trợ trồng rừng sản xuất.

b. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: Vốn NSTW phân bổ 34.581 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 23.038 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 8.572 triệu đồng, vốn SN: 14.466 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 11.543 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 6.394 triệu đồng, vốn SN: 5.149 triệu đồng*).

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc:

Vốn phân bổ 48.133,61 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 36.340,88 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 35.220 triệu đồng, vốn SN: 1.120,88 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 11.792,73 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 8.428,73 triệu đồng, vốn SN: 3.364 triệu đồng*) để thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng nông thôn tại 11 thôn /11 xã
- Duy tu bảo dưỡng công trình trên địa bàn 11 xã.

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Vốn phân bổ 24.324,16 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 18.388 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 11.633 triệu đồng, vốn SN: 6.755 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 5.926,16 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 3.418 triệu đồng, vốn SN: 2.518,16 triệu đồng*) để thực hiện các nội dung sau:

a Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS. Cụ thể:

- Xây phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú; xây dựng công trình vệ sinh, nước sạch ở trường học; xây dựng Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc ở trường học; xây dựng phòng học bộ môn với kinh phí thực hiện NSTW phân bổ 15.051,triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 11.633 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 11.633 triệu đồng, vốn SN: 00 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 3.418 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 3.418 triệu đồng, vốn SN: 00 triệu đồng*).

- Công tác xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS với kinh phí thực hiện NSTW phân bổ 566 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 413 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 413 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 153 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 153 triệu đồng*).

b. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS: Vốn NSTW phân bổ (*Năm 2022 chuyển nguồn sang*) 187 triệu đồng.

Nội dung này địa phương không thể thực hiện. Vì nội dung hỗ trợ đại học thuộc tiểu dự án 2, Dự án 3. Đối với nội dung hỗ trợ Đại học được nêu tại Khoản 2, Điều 47 Thông tư số 02/2022/TT-UBND (*Sinh viên học tại các cơ sở giáo dục đại học được tiếp nhận sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học thuộc đối tượng nêu tại điểm b khoản 1 Điều này*) và tại Khoản 2, Điều 48 Thông tư số 02/2022/TT-UBND (*Chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học do UBND cấp tỉnh quyết định theo nhu cầu của địa phương*). Nhưng hiện tại trong năm 2022 trên địa bàn huyện không có đối tượng đáp ứng quy định nêu trên. Do vậy, không thể triển khai thực hiện nội dung Tiểu dự án 2-Dự án 5 (*đào tạo Đại học*)

c. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Vốn NSTW phân bổ 7.729,16 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 5.737 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 5.737 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 1.992,16 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 1.992,16 triệu đồng*).

Địa phương khó đạt mục tiêu theo kế hoạch. Nguyên nhân một số nội dung thực hiện thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS trùng với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững. Mặt khác, kế hoạch vốn giao của 2 chương trình khá lớn do đó qua rà soát không đủ đối tượng để triển khai thực hiện. Do vậy trong năm 2023 huyện đã đề nghị hoàn trả ngân sách 7.040,16 triệu đồng, trong đó năm 2023 là 5.048 triệu, năm 2022 chuyển nguồn sang là 1.992,16 triệu đồng.

e. Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Vốn NSTW phân bổ 791 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 605 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 605 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 186 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 186 triệu đồng*) để đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng với khoảng 20 lớp.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch:

Vốn NSTW phân bổ 3.541,03 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 2.226 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 1.762 triệu đồng, vốn SN: 464 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 1.315,03 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 1.315,03 triệu đồng, vốn SN: 00 triệu đồng*)

2.7. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em:

Vốn NSTW phân bổ 1.341,52 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 1.280 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 1.280 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 61,52 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 61,52 triệu đồng*).

2.8. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn:

Tiểu Dự án 2: Vốn NSTW phân bổ năm 2023 là 323 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 323 triệu đồng*).

2.9. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình:

Vốn NSTW phân bổ 2.830,45 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 2.454 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 1.366 triệu đồng, vốn SN: 1.088 triệu đồng*); Vốn

năm 2022 chuyển nguồn sang là 376,45 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 134 triệu đồng, vốn SN: 242,45 triệu đồng*) để thực hiện các nội dung sau:

a. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG: Vốn NSTW phân bổ 854,6 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 706 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 706 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 148,6 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 148,6 triệu đồng*)

b. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN Vốn NSTW phân bổ 1.668 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 1.492 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 1.366 triệu đồng, vốn SN: 126 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 176 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 134 triệu đồng, vốn SN: 42 triệu đồng*)

c. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: Vốn NSTW phân bổ 307,85 triệu đồng, trong đó vốn giao năm 2023 là 256 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 256 triệu đồng*); Vốn năm 2022 chuyển nguồn sang là 51,85 triệu đồng (*vốn ĐTPT: 00 triệu đồng, vốn SN: 51,85 triệu đồng*).

2.10. Dự kiến kinh phí thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2023.

Tổng kinh phí nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương dự kiến thực hiện đến 31 tháng 12 năm 2023 là 157.599,42 triệu đồng, đạt 83,94 % trên tổng kế hoạch vốn, trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 122.323,81 triệu đồng, đạt 89,1% kế hoạch; Vốn sự nghiệp: 35.275,61 triệu đồng, đạt 69,89% kế hoạch.

(Có bảng phụ lục chi tiết theo kèm theo)

3. Đánh giá chung

3.1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí của Nhà nước, và các dự án. Sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh, Huyện ủy, HĐND huyện, việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được các cấp các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, bước đầu có sự chuyển biến tích cực về nhận thức, góp phần giảm nghèo, ổn định phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia huyện đã ban hành quy chế hoạt động và Tổ công tác theo đó các thành viên Ban Chỉ đạo huyện là Lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị được phân công trách nhiệm cụ thể, mỗi thành viên là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm triển khai, lồng ghép thực hiện các chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn; đồng thời, hàng năm phối hợp kịp thời với Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tham gia giám sát kết quả thực hiện các chính sách, dự án.

3. 2. Những khó khăn, vướng mắc

- Một số quy định về định mức và hướng dẫn ban hành chậm dẫn đến ảnh hưởng tới quá trình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn như: Quy định định mức đất ở, đất sản xuất làm cơ sở xác định hộ gia đình chưa có đất ở; không có hoặc thiếu đất sản xuất UBND tỉnh mới ban hành Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND, ngày 07/09/2023,...

- Đối với dự án 3 nội dung đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

+ Hiện nay cơ quan chủ trì (*Sở NN&PTNT tỉnh*) được UBND tỉnh giao nhiệm vụ Hướng dẫn vấn đề hình thành, vận hành Trung giống chưa có hướng dẫn theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh nên UBND huyện chưa có cơ sở để thực hiện bước tiếp theo để Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì dự án và trình UBND tỉnh phê duyệt dự án theo quy định. Mặt khác:

+ Theo khoản 2 điều 10 thông tư 10/2022/TT-BYT quy định Quy trình lựa chọn dự án dược liệu quý được thực hiện quy định tại điểm a, b và c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Theo điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP nay được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 38/2023/NĐ-CP quy định về lựa chọn dự án, chủ trì liên kết. Theo các quy định nêu trên thì dự án dược liệu quý (*trong đó có trung tâm giống*) thực hiện đầu tư theo chuỗi giá trị.

+ Theo khoản 4 điều 12 thông tư 10/2022/TT-BYT quy định Mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ thực hiện dự án dược liệu quý từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP. Theo điểm b khoản 5 điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP nay được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 38/2023/NĐ-CP quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết (*ở đây được hiểu là doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia dự án*).

+ Theo điểm b, khoản 5 điều 1 thông tư 12/2023/TT-BYT quy định Khoản 5 Điều 12 được sửa đổi như sau: “5. Mức chi hỗ trợ cho các dự án dược liệu quý sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Như vậy, chỉ được áp dụng mức chi hỗ trợ tại các điều như trên không được áp dụng cơ chế hỗ trợ, trình tự thủ tục đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP mà áp dụng theo Luật Đầu tư công. Theo đó thì trình tự thủ tục thực hiện do đơn vị hành chính được giao triển khai thực hiện như vậy chưa phù hợp với điểm b khoản 5 điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP nay được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 38/2023/NĐ-CP quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết. Bên cạnh đó, vấn đề quản lý tài sản sau đầu tư từ ngân sách nhà nước (*tài sản công*) hỗ trợ cho doanh nghiệp của dự án trung tâm giống cũng chưa có văn bản nào đề cập đến.

+ Theo điểm a, khoản 5 điều 1 thông tư 12/2023/TT-BYT sửa đổi Điểm d khoản 3 Điều 12 được sửa đổi như sau: “d) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở chế biến dược liệu quý, xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao

thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong phạm vi, quy mô dự án.” Đồng thời đối chiếu nội dung thực hiện kế hoạch vốn sự nghiệp được quy định theo Điều 13 Thông tư số 15/2022/TT-BTC thì mức hỗ trợ còn lại để thực hiện đầu tư theo Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP là rất ít và mức hỗ trợ khá thấp trong khi đó kế hoạch vốn đầu tư của dự án là 35.524 triệu đồng.

+ Ngoài ra vấn đề Ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng tối thiểu 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ cho các dự án, tiểu dự án được quy định tại điểm b, khoản 2, điều 6 quy định kèm theo Nghị quyết 21/2022/NQ-HĐND tỉnh cũng là vấn đề khó khăn trong việc cân đối của ngân sách địa phương.

- Một số nội dung các tiểu dự án, dự án tình hình phân bổ kế hoạch vốn chưa sát với nhu cầu thực tế của địa phương (*vượt quá nhiều so với nhu cầu thực tế*) như kinh phí hỗ trợ trồng rừng, đào tạo nghề, đào tạo sau đại học, đại học, ... gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện làm ảnh hưởng không nhỏ tới tiến độ giải ngân kế hoạch vốn.

III. NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị có liên quan và UBND các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

- Tăng cường chỉ đạo sự phối hợp giữa các phòng, ban có liên quan và UBND các xã, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời rà soát tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.

- Tiếp tục triển khai công tác nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân để tham gia triển khai thực hiện Chương trình.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc; rà soát, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn, làm cơ sở để tổ chức thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nội dung dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với tỉnh

- Sớm chỉ đạo sở ngành đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án trung tâm nhân giống thuộc CTMTQG PT KTXH vùng ĐBDTSMN.

- Điều chuyển, thu hồi phần kế hoạch vốn địa phương kiến nghị nộp trả do không có khả năng giải ngân.

2. Đối với HĐND huyện:

Cho chủ trương thống nhất điều chuyển những phần kinh phí thừa thiếu giữa các nội dung, dự án nhằm đảm bảo phân đấu đến hết niên độ giải ngân hết kế hoạch vốn đã đầy đủ cơ sở giải ngân.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Mơ Rông./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Dân tộc huyện;
- Lưu: VT-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Quang